

Bản án số: 08/2026/HSST
Ngày 27/01/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Trần Văn Nghi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 27/01/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình; xét xử công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2025/TLST-HS ngày 10/12/2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXXST-HS ngày 14/11/2026 đối với các bị cáo:

1. Trương Văn N (tên gọi khác T) sinh năm 1988, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm A Y, xã L, tỉnh Ninh Bình; số căn cước công dân 0370880009xx; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Đức T1 và bà Phạm Thị M; vợ Phạm Thị Q và có 02 con. Tiền án không; tiền sự ngày 06/01/2020 bị Công an huyện K xử phạt 3.000.000 đồng về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe người khác”, N chưa thi hành quyết định xử phạt. Lịch sử bản thân ngày 18/8/2023 bị Công an huyện K xử phạt 4.000.000 đồng về hành vi “Mang trong người công cụ nhằm mục đích gây thương tích cho người khác”. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/6/2025 cho đến nay tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh N; có mặt.

2. Phạm Tiến D (tên gọi khác Hội) sinh năm 1977, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm I Y, xã L, tỉnh Ninh Bình; căn cước công dân số 037077000625 nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Cao N1 và bà Mai Thị D1 (đã chết); vợ Mai Thị D2 và có 02 con. Tiền án không; tiền sự không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/6/2025 cho đến nay tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh N; có mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm Đức P sinh năm 2000; nơi cư trú xóm I Y, xã L, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh Lã Quang Đ sinh năm 1985; nơi cư trú xóm C Y, xã L, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Anh Hoàng Văn C sinh năm 1986; nơi cư trú xóm G Y, xã L; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn trong việc D nợ tiền N. Khoảng 07 giờ 32 phút ngày 15/4/2025 N điều khiển xe ô tô Hyundai I10 biển kiểm soát 35A-111.07 đi từ ngõ Trường mầm non Y ra đường QL10 (nay là đường QL21B); D điều khiển xe mô tô Wave biển kiểm soát 35K1-551.90 đi trên đường QL10 theo hướng từ xã P đi xã L. Khi đến trước cửa hàng Đ1 Hường thuộc địa phận xóm G Y, xã L; N nhìn thấy D nên hạ kính xe ô tô bên lái xuống và chửi D, D quay lại nhìn không nói gì rồi cả hai điều khiển xe đi tiếp. Bực tức với thái độ của D, N điều khiển ô tô quay lại đuổi theo D; lúc này trên đường Q đang có nhiều người và phương tiện qua lại. Khi D điều khiển xe mô tô đến trước cửa hàng S xe máy “H” thuộc địa phận xóm G Y, xã L (cách vị trí N quay xe ô tô khoảng 200 mét) thì Ngọc đuổi đến nơi. N điều khiển xe ô tô vượt lên bên trái xe mô tô do D điều khiển, N đánh lái sang phải mục đích để chặn xe mô tô do D điều khiển lại nên phần cánh cửa phía trước bên phải xe ô tô do N điều khiển đã va chạm với đầu núm tay lái bên trái xe mô tô do D điều khiển. Sau va chạm D điều khiển xe mô tô loạng choạng, xe lao lên vỉa hè bên phải, đổ nghiêng phải xuống đường. D đứng dậy chạy vào nhà anh C tìm hung khí để đánh nhau với N và bị anh C đẩy ra. Tuy nhiên D vẫn cúi xuống nhặt 01 búa bằng kim loại có chiều dài 25 cm, quay lại chỗ xe mô tô bị đổ. Lúc này N xuống xe nhìn thấy D cầm búa nên đã mở cốp xe ô tô lấy 01 gậy bóng chày bằng kim loại dài khoảng 60 cm, đường kính khoảng 5 cm. Sau đó D cầm búa, N cầm gậy bóng chày lao vào đánh nhau tại khu vực vỉa hè trước cửa quán sửa xe của anh C. Quá trình xô xát, N cầm gậy bóng chày vụt nhiều nhát trúng vào phần tay trái và ngực trái của D; D cầm búa vụt nhiều nhát về phía N trúng vào phần đỉnh đầu trái, cổ tay phải của N, sau đó D quay người bỏ chạy về phía cổng kho vật liệu xây dựng Huy T2. Thấy vậy N đuổi theo giữ lại, cả hai tiếp tục vật lộn nhau dưới đất. Sau đó được anh T3 đến can ngăn, lôi N ra. D vùng dậy bỏ chạy về phía xe ô tô của N, N vùng khỏi tay anh T3, hò hét, chửi bới và cầm theo gậy bóng chày đuổi theo D chạy vòng quanh xe ô tô của N khoảng 5 đến 6 vòng thì N dừng lại, D bỏ chạy về hướng trụ sở UBND xã Y cũ (nay là trụ sở Công an xã L). Thấy vậy N cầm gậy đuổi theo, tiếp tục chửi bới D khoảng 20 mét thì dừng lại và lên xe ô tô đi về.

Khoảng 09 giờ 43 phút cùng ngày D vào Bệnh viện đa khoa tỉnh N, sau khi được chụp, siêu âm không phát hiện dấu hiệu bất thường đến 14 giờ 25 phút D tự ý bỏ về không điều trị. Kết quả xem xét dấu vết trên cơ thể đối với D thể hiện “Vùng cằm (đỉnh đầu) có vết phù nề kích thước (3x4) cm; vùng đầu bên trái phía trên tai có vết phù nề kích thước (3x4) cm; vùng ngực trái có vết phù nề kích thước (4x6) cm; vùng lưng trái có vết phù nề kích thước (4x6) cm; khuỷu tay trái có vết trầy xước, phù nề kích thước (3x1,5) cm; khuỷu tay phải vết trầy xước kích thước (5x3) cm; đầu gối phải có vết trầy xước, phù nề kích thước (4x5) cm.

Khoảng 12 giờ cùng ngày N vào Bệnh viện đa khoa huyện K khâu vết thương vùng đầu, sau đó cũng tự ý bỏ về không điều trị. Kết quả xem xét dấu vết trên cơ thể đối với N thể hiện “Vùng cằm (đỉnh đầu) trái có 01 vết khâu rách da hiện tại đã lành, mới cắt chỉ kích thước (3x1) cm; vùng cổ tay phải có vết trầy xước da

hiện tại đã lành kích thước (4x2,5) cm.

Kết quả khám nghiệm phương tiện: Xe ô tô biển kiểm soát 35A-111.07 mặt ngoài cánh cửa trước, sau bên phải có vết sạt xước lớp sơn màu trắng, bám dính dị vật màu đen, vết có chiều từ trước về sau. Xe mô tô biển kiểm soát 35K1-551.90 mặt ngoài dưới đầu mút tay lái bên trái có vết sạt xước mất lớp sơn màu đen, bám dính dị vật màu trắng (dạng sơn), vết có chiều từ sau về trước, đầu mút tay lái bên phải có vết sạt mài kim loại, đầu mút tay phanh bên phải bị gãy rời khỏi xe, đầu giá đỡ chân bên phải người ngồi điều khiển, đầu giá đỡ chân bên phải người ngồi sau có vết sạt mài rách cao su, sạt mài kim loại các vết có chiều từ trước về sau.

Tại Kết luận giám định số 425/KL-KTHS-CH ngày 29/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: Trên xe ô tô biển số 35A-111.07 và xe mô tô biển số 35K1-551.90 có dấu vết phù hợp do va chạm với nhau. Vị trí va chạm giữa 2 phương tiện, mặt ngoài cánh cửa trước, cánh cửa sau bên phải xe ô tô biển số 35A-111.07 tại vị trí dấu vết sạt xước lớp sơn màu trắng bám dính dị vật màu đen phù hợp do va chạm với mặt ngoài dưới đầu mút tay lái bên trái xe mô tô biển số 35K1-551.90 tại vị trí dấu vết sạt xước mất lớp sơn màu đen, bám dính dị vật màu trắng. Ngay trước khi xảy ra va chạm, xe ô tô biển số 35A-111.07 và xe mô tô biển số 35K1-551.90 chuyển động cùng chiều.

Ngày 07/5/2025 Cơ quan điều tra Công an tỉnh N đã ra Quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ % tổn hại sức khỏe của D và N, nhưng D và N đều từ chối giám định. Cơ quan điều tra đã ra quyết định dẫn giải N và D nhưng cả hai tiếp tục từ chối và có đơn đề nghị không xử lý về hình sự đối với các hành vi gây thương tích của N và D.

Đối với thiệt hại của xe ô tô biển kiểm soát 35A-111.07 và xe mô tô biển kiểm soát 35K1-551.90 do các phương tiện đã cũ, giá trị thiệt hại nhỏ nên cả D và N đều đề nghị không định giá thiệt hại tài sản trên.

Cáo trạng số 17/CT-VKS-KV4 ngày 08/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình truy tố bị cáo N và bị cáo D về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày Luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo N và bị cáo D phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Trương Văn N từ 24 tháng đến 27 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/6/2025; Phạm Tiến D từ 24 tháng đến 27 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/6/2025.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu huỷ 01 mẫu đầu mút tay phanh xe máy và 01 chiếc búa.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Trương Văn N và Phạm Tiến D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo N và D đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như

nội dung của Cáo trạng là đúng. Nói lời sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người người liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi của các bị cáo và vật chứng đã thu giữ, nên có đủ cơ sở khẳng định như sau:

Hồi 07 giờ 32 phút ngày 15/4/2025 tại đường QL10 (nay là QL21B) thuộc địa phận xóm G Y, xã L, tỉnh Ninh Bình. N có hành vi điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 35A-111.07 rượt đuổi, chặn ép xe mô tô biển kiểm soát 35K1-551.90 do D điều khiển; sau đó N cầm 01 gậy bóng chày bằng kim loại, D cầm 01 búa bằng kim loại để đánh, vụt vào người nhau gây gây ồn ào, náo động làm mất trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã xâm phạm đến an toàn công cộng, đến các quy tắc, sinh hoạt, đi lại, làm việc, vui chơi... ở nơi công cộng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Gây rối trật tự công cộng”, do các bị cáo sử dụng búa, gậy bóng chày đều là hung khí nguy hiểm, nên hành vi của các bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng định khung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Điều 318. Tội gây rối trật tự công cộng

1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

b) Dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình truy tố các bị cáo N và D về tội danh và điều luật như Cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về vị trí vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Bị cáo N là người chủ động gây sự trước nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án; bị cáo D giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tăng nặng: Cả hai bị cáo N và D đều không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo N “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân là lao động chính trong gia đình có xác nhận của UBND xã L” theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo D “Thành khẩn

khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bố vợ là ông Mai Thế D3 là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến” theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Từ những tình tiết nêu trên, nhận thấy: Với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cần xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo có ý thức tôn trọng, tuân theo pháp luật và các chuẩn mực đạo đức, lối sống của bản thân; góp phần đấu tranh phòng ngừa chung. Các bị cáo N và D đều có 02 tình tiết giảm nhẹ; nên giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo tương ứng với số tình tiết giảm nhẹ và mức giảm nhẹ của mỗi tình tiết mà mỗi bị cáo được hưởng.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Cả hai bị cáo N và D đều không yêu cầu Toà án giải quyết về trách nhiệm dân sự; nên Toà án không xem xét giải quyết.

[5] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ gồm “01 mẫu đầu mút tay phanh xe máy, 01 xe mô tô Honda Wave allpha biển kiểm soát 35K1-551.90, 01 xe ô tô Hyundai Grand I10 biển kiểm soát 35A-111.07, 01 búa bằng kim loại”.

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 35K1-551.90 là tài sản của anh P (là con trai D), việc D tự lấy xe đi, anh P không biết; nên Cơ quan điều tra Công an tỉnh N đã trả lại chiếc xe trên cho anh P.

- Xe ô tô biển kiểm soát 35A-111.07 của tài sản của anh Đ (là anh rể của N), anh Đ mua xe ô tô của anh H nhưng chưa sang tên quyền sở hữu; anh H đang đi làm ăn ở nước ngoài, gia đình không liên lạc được. Nên Cơ quan điều tra Công an tỉnh N đã tách tài liệu về chiếc xe ô tô này để giải quyết sau theo quy định của pháp luật.

- 01 mẫu đầu mút tay phanh xe máy là tài sản của anh P; 01 chiếc búa là tài sản của anh C, anh C không có lỗi trong việc D sử dụng búa để đánh nhau với N; các tài sản không còn giá trị; anh C, anh P và bị cáo D đều không yêu cầu trả lại; nên tất cả tịch thu tiêu hủy.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì; nên hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Các bị cáo N và D đều bị kết án, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố

tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trương Văn N và bị cáo Phạm Tiến D phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt:

- Trương Văn N: 25 (hai mươi lăm) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/6/2025.

- Phạm Tiến D: 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/6/2025.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 01 mẫu đầu mút tay phanh xe máy và 01 chiếc búa. Vật chứng có đặc điểm tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/12/2025 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh N với Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Ninh Bình.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Trương Văn N và Phạm Tiến D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo; người có quyền, nghĩa vụ liên quan là anh Đ và anh C có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan là anh P có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người phải thi hành án dân sự, có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND khu vực 4
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- Bị cáo,
- Người liên quan
- Lưu hồ sơ
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Lực